

Vietnam Daily Review

Giảm theo xu hướng thế giới

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiểu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/2/2022		•	
Tuần 21/2-25/2/2022		•	
Tháng 2/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Với sự kiện Tổng thống Nga Vladimir Putin sáng nay tuyên bố mở chiến dịch quân sự đặc biệt ở Donbass, phía đông Ukraine, TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh trong phiên giao dịch hôm nay như một hệ quả tất yếu, đồng thuận với xu hướng chung của TTCK thế giới. Giằng co một lúc tại đầu phiên sau đó tuột dốc không phanh gần 40 điểm xuống vùng hỗ trợ cũ 1470, rất may mắn là sang đến đầu phiên chiều dòng tiền bắt đáy đã xuất hiện và kéo chỉ số trở về ngưỡng 1494. Kết phiên, VN-Index giảm hơn 17 điểm, độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Có thể nói phản ứng tiêu cực trên TTCK Việt Nam ngày hôm nay phần nhiều đến từ tâm lí nhà đầu tư; kinh tế Việt Nam và doanh nghiệp Việt ít bị ảnh hưởng bởi cuộc chiến này do giao thương giữa Việt Nam – Nga và Việt Nam – Ukraine chỉ ở mức nhỏ so với Tổng kim ngạch của Việt Nam. Đặc biệt, dòng tiền nhiều khả năng sẽ tìm đến nhóm dầu khí khi nhóm này hưởng lợi từ mức giá cao do cuộc chiến này (chi tiết xin mời xem báo cáo *"Triển vọng ngành dầu khí 2022"*). Do đó, VN-Index có thể gặp phải một vài phiên điều chỉnh trước làn sóng chung của TTCK thế giới, sau đó khả năng cao sẽ hồi phục trở lại.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/02/2022, phần lớn các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: PVB_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn:

- VN-Index **-17.45** điểm, đóng cửa **1494.85** điểm. HNX-Index **-7.66** điểm, đóng cửa **434.88** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+1.17)**, **GAS (+0.99)**, **MSN (+0.70)**, **DXG (+0.45)**, **DPM (+0.37)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.27)**, **VCB (-1.89)**, **BID (-1.26)**, **CTG (-1.19)**, **TCB (-1.05)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **29.197** tỷ đồng, tăng **36.60%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 35.020 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 39.49 điểm. Thị trường có **75** mã tăng, 28 mã tham chiếu và **396** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-185.84** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HDB (-227.037 tỷ)**, **CTG (-65.375. tỷ)**, **GAS (-54.278 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-13.13** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1494.85**
Giá trị: 29197.88 tỷ **-17.45 (-1.15%)**
Khối ngoại (ròng): -176.25 tỷ

HNX-INDEX **434.88**
Giá trị: 4741.22 tỷ **-7.66 (-1.73%)**
Khối ngoại (ròng): -13.13 tỷ

UPCOM-INDEX **112.32**
Giá trị: 2424.22 tỷ **-1.19 (-1.05%)**
Khối ngoại(ròng): = tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	98.7	7.13%
Giá vàng	1,953	2.31%
Tỷ giá USD/VND	22,825	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,595	-0.91%
Tỷ giá JPY/VND	19,927	0.41%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	9.31%
LS TPCP 5 năm	1.2%	-11.54%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KDC	173.5	HDB	-226.8
DGC	79.5	CTG	-65.3
GEX	67.0	GAS	-54.3
KBC	66.5	MBB	-43.0
DXG	66.5	E1VFN30	-42.8
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 24/02

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	92.95	0.92%	1.20%	12.80%	67.30%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	97.64	0.83%	5.00%	12.00%	56.85%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	274.05	0.56%	2.40%	14.10%	65.78%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1913.14	0.22%	0.80%	3.50%	11.48%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.66	0.45%	3.50%	3.60%	-4.91%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1685.75	0.88%	5.90%	19.50%	42.71%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	902.50	2.01%	14.80%	12.30%	39.01%		AFX
Sữa	USD /cwt	22.72	3.18%	1.80%	5.40%	34.44%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	227.52	2.38%	2.30%	4.80%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.88	-0.06%	1.80%	-3.90%	17.86%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	247.55	0.12%	-1.70%	4.00%	72.21%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9866.00	-0.49%	-1.30%	1.40%	5.99%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	751.95	-0.56%	0.50%	4.40%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	772.37	-0.45%	0.60%	4.80%			
Nhôm	USD/ton	3292.50	-0.32%	1.10%	8.70%	50.72%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	110.68	-0.16%	1.00%	-0.30%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	212.10	5.79%	15.00%	14.70%	159.61%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent vững ở 96.84 USD/thùng, sau khi chạm mức 99.50 USD, mức cao nhất kể từ tháng 9 năm 2014 trong phiên liền trước; dầu Tây Texax Mỹ (WTI) tăng 19 US cent lên 92.10 USD/thùng, phiên liền trước loại này đạt 96 USD/thùng.
- Giá dầu ổn định trở lại trong phiên 23/2, duy trì quanh mức cao nhất kể từ năm 2014, do các quan chức Mỹ tuyên bố sự leo thang căng thẳng giữa Nga và Ukraina khó có thể dẫn đến các lệnh trừng phạt đối với nguồn cung năng lượng từ Nga - một trong những nhà sản xuất dầu hàng đầu thế giới.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay tăng 0.4% lên 1,906.58 USD/ounce, không xa mức cao nhất trong vòng gần 9 tháng đạt được hôm thứ Ba – 1,913.89 USD. Vàng kỳ hạn tháng 4 cũng tăng 0.2% lên mức 1,910.40 USD.
- Giá palladium tăng 4.5% lên mức cao nhất trong vòng gần 6 tháng trở lại đây do lo ngại nguồn cung từ nhà sản xuất hàng đầu thế giới – Nga – bị ảnh hưởng, trong khi giá vàng vững ở trên ngưỡng quan trọng 1,900 USD sau khi Ukraina ban bố tình trạng khẩn cấp.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt giao dịch tại Trung Quốc giảm sau một phiên đầy biến động. Thị trường quặng sắt đang gia tăng lo ngại về môi trường pháp lý của Trung Quốc. Quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên Sàn giao dịch Hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc giảm 0,8% xuống 700 nhân dân tệ (110.64 USD)/tấn.
- Các nhà chức trách Trung Quốc sẽ ngăn chặn tình trạng "tích trữ quá mức" quặng sắt và giúp đảm bảo rằng các nhà kinh doanh mặt hàng này đưa lượng tồn kho trở lại mức hợp lý càng sớm càng tốt, thông tin từ cơ quan hoạch định chính sách nhà nước của Trung Quốc hôm qua cho biết.

Giá nông sản

- Đường thô giao tháng 3 tăng 0.05% tương đương 0.3% lên 18.53 cent/lb vào cuối phiên, trước đó có lúc đạt mức cao nhất kể từ ngày 9/2, là 18.60 US cent. Giá đường trắng giao tháng 5 cũng tăng 1.40 USD hay 0.3% lên 495.70 USD/tấn.

	24/2	% 24/2	23/2	% 23/2	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1494.85	-1.15%	1512.30	0.59%	-0.87%	3.89%
S&P 500			4225.50	-1.84%	-5.49%	-3.92%
HĐTL S&P500	4144.25	-1.84%	4222.00	-1.81%	-7.29%	-5.89%
Shang- hai	3429.96	-1.70%	3489.15	0.93%	-1.10%	-3.92%
Euro Stoxx	3826.46	-3.70%	3973.41	-0.30%	-6.97%	-6.17%

Phân tích kỹ thuật

PVB_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích cực
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: xu hướng tăng

Nhận định: PVB nằm trong xu hướng tăng giá khi kết thúc ngày 24/02/2022 với một mẫu hình nến Marubozu cùng khối lượng thanh khoản tăng đột biến. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu trong các phiên giao dịch gần đây. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đang cho thấy xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên đường MA20 và MA50, ủng hộ cho xu hướng tăng giá. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 23.5, chốt lãi tại ngưỡng 28.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 21.5.

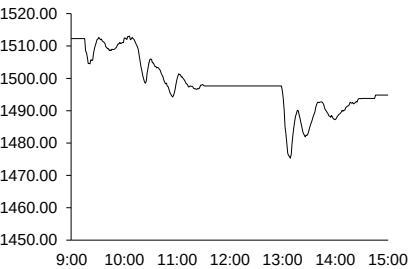
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	0.00%
Du lịch và Giải trí	0.00%
Xây dựng và Vật liệu	0.00%
Bảo hiểm	0.00%
Hóa chất	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.00%
Tài nguyên Cơ bản	0.00%
Dịch vụ tài chính	0.00%
Y tế	0.00%
Bất động sản	0.00%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	0.00%
Bán lẻ	0.00%
Truyền thông	0.00%
Công nghệ Thông tin	0.00%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.00%
Ngân hàng	0.00%
Viễn thông	0.00%
Ô tô và phụ tùng	0.00%

Hình 1

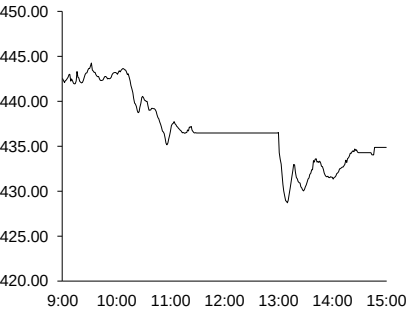
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

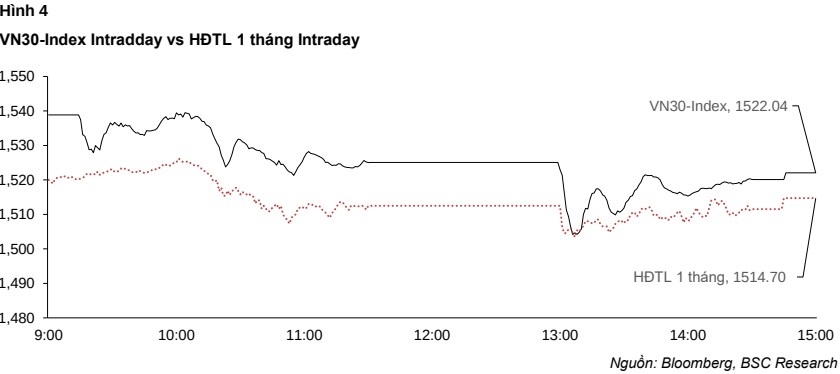
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
23/2/22	PVT	24.8	29	23	24.85	1	0.20%	Có thể tiếp tục mua
22/2/22	CTD	96.1	110	93	98.3	2	2.29%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	28.75	3	-0.52%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	19.5	6	-1.52%	Có thể giữ nguyên vị thế
17/2/22	DGC	147	160	141.5	157	7	6.80%	Cần nhắc không mua thêm (**)
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	19.75	8	-2.71%	Có thể giữ nguyên vị thế
15/2/22	PAC	38.5	41.25	36.5	37.05	9	-3.77%	Có thể tiếp tục mua
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	43.5	47.8	14	0.21%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	46.7	16	2.52%	Có thể tiếp tục mua
28/1/22	MBS	32.5	38	31.9	36.7	27	12.92%	Cần nhắc không mua thêm (**)
25/1/22	GAS	109.5	121	106	117	30	6.85%	Có thể tiếp tục mua
19/1/22	PHR	79.1	95.1	74	83	36	4.93%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%
7/2/2022	GMD	46	52	43.75	TP	11	13.04%
27/1/22	HDG	60.1	67	58	TP	22	11.48%
21/1/22	DBC	76.5	89.5	72	SL	6	-5.88%
20/1/22	LCG	20.8	25	19	SL	6	-8.65%
18/1/22	PLC	46	59.4	45	SL	9	-2.17%
17/1/22	HVN	22.9	26	22	TP	21	13.54%
14/1/22	NBC	17.4	19.7	16.5	SL	4	-5.17%
13/1/22	EVE	18.3	20	17.55	SL	4	-4.10%
12/1/2022	TID	61.9	75.3	57.5	SL	5	-7.11%
11/1/2022	APC	29.95	35	28.3	SL	6	-5.51%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	8	4	3.29%	-2.13%	2.35%	14
Cổ phiếu đã chốt	234	176	7.77%	-7.37%	5.12%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2202	1540.50	1.28%	18.46	-14.0%	132,651	2/17/2022	0
VN30F2203	1514.70	-0.95%	-7.34	75.3%	204,453	3/17/2022	21
VN30F2206	1504.00	-1.65%	-18.04	-55.4%	206	6/16/2022	112
VN30F2209	1500.00	-0.67%	-22.04	-29.0%	186	9/15/2022	203

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -16.79 điểm lên 1522.04 điểm. Các cổ phiếu như TCB, VIC, HPG, TPB, STB, HDB đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Nhịp tích lũy của cổ phiếu VN30 trong vùng 1500-11550 điểm vẫn đang được duy trì. Tình trạng vận động này đang cho thấy lực hỗ trợ khá mạnh tại ngưỡng 1500 điểm.
- Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐTL đều giảm, trừ VN30F2203. Xét về vị thế mở, các HĐ đều tăng, trừ VN30F2209 không biến động so với phiên trước. Điểm số giảm và lượng hợp đồng mở tăng cho thấy xu hướng short các HĐ ngắn hạn. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ2106	3/14/2022	18	4.968:1	36,200	30.46%	2,600	2,740	5.79%	2,519	1.09	134,951	98,000	109,000
CMSN2110	4/8/2022	43	9.987:1	761,700	36.88%	2,200	2,260	3.20%	1,824	1.24	142,299	142,000	159,500
CMSN2104	5/4/2022	69	9.987:1	192,200	36.88%	5,200	4,200	0.00%	4,073	1.03	118,110	0	159,500
CMWG2104	3/22/2022	26	6.644:1	52,000	30.79%	2,400	7,460	-0.80%	7,282	1.02	91,479	135,000	136,800
CMBB2108	3/1/2022	5	2:1	560,100	31.72%	1,880	2,000	-0.99%	2,181	0.92	45,000	30,000	34,000
CMBB2201	9/20/2022	208	2:1	469,800	31.72%	2,700	4,210	-1.86%	3,303	1.27	40,380	29,500	34,000
CPNJ2201	9/20/2022	208	8:1	156,800	30.46%	2,300	3,140	-2.18%	2,476	1.27	142,900	95,500	109,000
CMBB2107	4/8/2022	43	2:1	1,913,800	31.72%	2,200	2,660	-3.62%	2,339	1.14	55,040	30,000	34,000
CSTB2112	5/24/2022	89	1:1	36,200	39.30%	3,800	5,060	-4.53%	4,205	1.20	37,820	31,000	32,900
CMWG2108	3/14/2022	18	5:1	3,900	30.79%	3,500	3,000	-5.96%	2,483	1.21	130,192	126,000	136,800
CMWG2108	3/14/2022	18	5:1	3,900	30.79%	3,500	3,000	-5.96%	2,483	1.21	130,192	126,000	136,800
CSTB2202	9/20/2022	208	2:1	297,400	39.30%	2,700	3,810	-6.85%	3,298	1.16	63,420	29,500	32,900
CTPB2101	4/6/2022	41	3.703:1	46,300	41.94%	2,500	2,960	-8.64%	2,572	1.15	34,273	33,333	41,250
CTCB2105	5/4/2022	69	5:1	758,400	31.90%	3,600	1,950	-9.30%	1,518	1.28	56,458	45,000	50,500
CMSN2107	3/14/2022	18	4.993:1	10,900	36.88%	3,100	2,410	-14.54%	1,937	1.24	151,259	150,000	159,500
CMSN2107	3/14/2022	18	4.993:1	10,900	36.88%	3,100	2,410	-14.54%	1,937	1.24	151,259	150,000	159,500
CMSN2107	3/14/2022	18	4.993:1	10,900	36.88%	3,100	2,410	-14.54%	1,937	1.24	151,259	150,000	159,500
CVRE2109	3/7/2022	11	4:1	826,300	38.00%	1,100	1,280	-15.23%	1,485	0.86	81,900	29,000	34,000
CSTB2109	3/7/2022	11	2:1	1,859,900	39.30%	2,300	2,020	-15.48%	2,323	0.87	40,040	29,000	32,900
CVRE2112	3/1/2022	5	2:1	496,900	38.00%	2,250	1,050	-22.79%	1,457	0.72	49,500	32,000	34,000
Tổng				8,468,300	35.12%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 24/02/2022, phần lớn các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng của cổ phiếu cơ sở.

- CACB2102 và CVPB2108 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 289.86% và 24.59%. Giá trị giao dịch tăng 29.02%. CMBB2107 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.65% thị trường.
- CFPT2111, CVRE2112, CVRE2109 và CSTB2109 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2104, CMBB2201, CSTB2202 và CPNJ2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104, và CSTB2112 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	136.8	-0.7%	0.8	4,240	7.0	6,936	19.7	4.8	49.0%	27.3%	
PNJ	Bán lẻ	109.0	-0.5%	1.0	1,078	8.5	4,543	24.0	4.1	48.2%	18.3%	
BVH	Bảo hiểm	59.0	2.4%	1.4	1,904	6.7	2,501	23.6	2.1	26.4%	9.0%	
PVI	Bảo hiểm	49.7	0.0%	0.5	506	0.3	3,543	14.0	1.5	57.9%	10.9%	
VIC	Bất động sản	80.1	-2.9%	0.7	13,282	22.3	(759)	N/A	N/A	3.1	13.0%	-3.1%
VRE	Bất động sản	34.0	-2.6%	1.1	3,359	18.1	578	58.8	2.5	30.0%	4.4%	
VHM	Bất động sản	78.6	-1.0%	1.1	14,881	18.0	9,048	8.7	2.7	23.9%	36.4%	
DXG	Bất động sản	43.2	6.9%	1.3	1,119	43.1	1,941		2.9	30.1%	15.5%	
SSI	Chứng khoán	44.6	-1.5%	1.5	1,906	24.8	2,768	16.1	3.1	38.9%	22.5%	
VCI	Chứng khoán	60.5	-1.3%	1.0	876	10.3	4,512	13.4	3.1	20.6%	27.1%	
HCM	Chứng khoán	37.2	-2.5%	1.5	738	11.3	2,805	13.2	2.3	44.2%	19.5%	
FPT	Công nghệ	92.0	-1.1%	0.9	3,630	5.4	4,354	21.1	4.7	49.0%	25.7%	
FOX	Công nghệ	70.5	-1.8%	0.4	1,006	0.1	4,304	16.4	4.9	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	119.0	1.7%	1.3	9,903	9.9	4,381	27.2	4.5	2.9%	17.4%	
PLX	Dầu khí	63.4	1.4%	1.5	3,502	16.0	2,337	27.1	3.2	17.2%	12.3%	
PVS	Dầu khí	34.8	4.8%	1.7	723	35.5	1,260	27.6	1.4	9.1%	5.0%	
BSR	Dầu khí	28.5	2.2%	0.8	3,842	30.5	(909)		2.8	41.1%	-8.7%	
DHG	Dược	112.7	-2.0%	0.4	641	0.2	5,720	19.7	3.9	54.3%	20.3%	
DPM	Hóa chất	54.2	6.9%	0.8	922	34.1	7,914	6.8	2.0	8.7%	33.5%	
DCM	Hóa chất	34.5	7.0%	0.7	793	21.6	3,313	10.4	2.4	5.4%	25.3%	
VCB	Ngân hàng	85.3	-1.8%	1.1	17,551	7.7	5,005	17.0	3.6	23.6%	21.4%	
BID	Ngân hàng	44.6	-2.2%	1.3	9,809	6.6	2,090	21.3	2.7	16.9%	13.2%	
CTG	Ngân hàng	33.9	-2.9%	1.4	7,073	24.4	2,940	11.5	1.7	26.0%	15.9%	
VPB	Ngân hàng	36.9	2.8%	1.2	7,132	56.9	2,667	13.8	2.1	15.2%	18.0%	
MBB	Ngân hàng	34.0	-1.0%	1.2	5,585	44.1	3,362	10.1	2.2	23.2%	23.6%	
ACB	Ngân hàng	34.5	-0.4%	1.0	4,047	13.2	3,554	9.7	2.1	30.0%	23.9%	
BMP	Nhựa	64.1	-2.1%	0.7	228	0.5	2,618	24.5	2.3	85.3%	9.0%	
NTP	Nhựa	62.0	-2.8%	0.4	318	0.6	3,951	15.7	2.7	17.9%	17.6%	
MSR	Tài nguyên	26.3	-1.1%	0.8	1,257	1.0	39	674.4	2.1	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	46.0	-1.5%	1.1	8,946	44.9	7,708	6.0	2.3	23.1%	46.1%	
HSG	Thép	35.6	-2.7%	1.4	763	13.8	8,581	4.1	1.6	6.8%	45.9%	
VNM	Tiêu dùng	78.6	-1.8%	0.6	7,142	9.4	4,518	17.4	5.0	54.4%	29.3%	
SAB	Tiêu dùng	169.7	-0.1%	0.8	4,732	1.2	5,663	30.0	5.1	62.6%	17.9%	
MSN	Tiêu dùng	159.5	1.5%	0.8	8,187	6.8	7,257	22.0	5.7	28.8%	35.1%	
SBT	Tiêu dùng	22.8	-3.6%	1.3	622	4.9	1,097	20.7	1.7	7.2%	7.8%	
ACV	Vận tải	94.0	-0.5%	0.8	8,897	0.6	577	162.9	5.5	3.7%	3.4%	
VJC	Vận tải	148.0	-0.1%	1.1	3,485	4.7	2,271		4.7	16.5%	7.7%	
HVN	Vận tải	25.7	-2.3%	1.7	2,470	8.0	(6,523)		23.7	6.0%	-267.4%	
GMD	Vận tải	51.4	-1.3%	1.0	674	6.7	1,846	27.8	2.5	43.7%	9.1%	
PVT	Vận tải	25.0	0.6%	1.4	352	9.7	2,066	12.1	1.6	12.3%	13.3%	
VCS	Vật liệu xây dựng	106.2	-2.0%	0.8	739	0.7	10,538	10.1	3.5	3.8%	40.6%	
VGC	Vật liệu xây dựng	53.0	-3.6%	0.5	1,033	4.4	2,738	19.4	3.3	4.0%	18.2%	
HT1	Vật liệu xây dựng	21.8	-3.1%	0.9	361	1.8	969	22.4	1.6	1.9%	7.0%	
CTD	Xây dựng	97.1	-1.2%	1.1	312	3.7	310	312.7	0.9	47.1%	0.3%	
CII	Xây dựng	33.5	-4.4%	0.8	348	20.0	(1,434)	N/A	N/A	1.6	11.3%	-7.1%
REE	Điện	73.5	-1.3%	-1.4	988	2.6	6,001	12.2	1.7	49.0%	15.0%	
PC1	Điện	37.9	-0.7%	-0.4	387	4.6	2,997	12.6	1.9	4.8%	15.9%	
POW	Điện	17.8	-2.2%	0.6	1,807	18.6	759	23.4	1.4	2.6%	6.1%	
NT2	Điện	22.6	-5.2%	0.6	283	1.5	1,778	12.7	1.5	14.1%	12.0%	
KBC	Khu công nghiệp	57.1	-0.3%	1.2	1,414	29.6	1,593	35.8	2.4	18.4%	6.7%	
BCM	Khu công nghiệp	82.9	0%	1.1	3,731	1.1			5.5	2.5%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPB	36.90	2.79	1.14	35.73MLN
GAS	119.00	1.71	0.98	1.89MLN
MSN	159.50	1.46	0.70	989000
DXG	43.20	6.93	0.43	24.02MLN
DPM	54.20	6.90	0.35	15.09MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.34	6.37MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-1.94	2.08MLN	607060
CTG	0.00	-1.23	16.48MLN	373600
TCB	0.00	-1.08	15.53MLN	192700
BID	0.00	-1.03	3.39MLN	611640

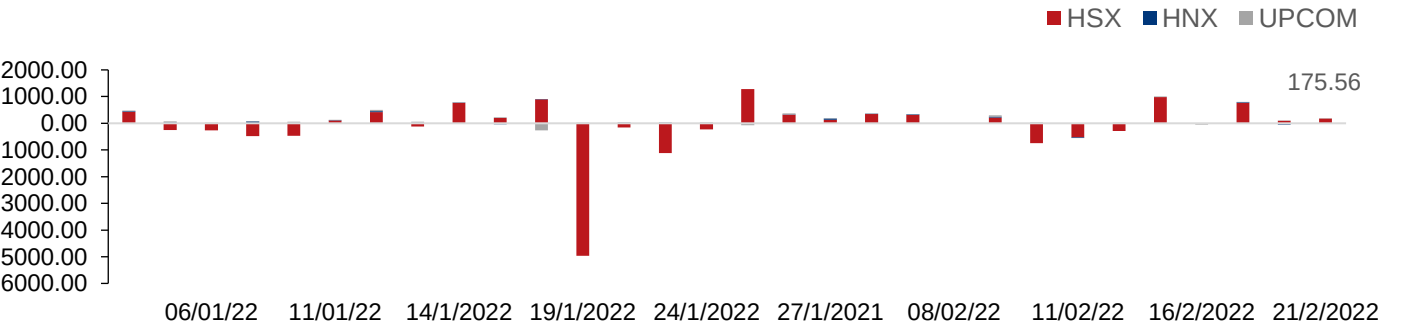
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DCM	34.45	6.99	0.31	14.96MLN
BMC	24.55	6.97	0.01	347100
FRT	124.70	6.95	0.16	2.30MLN
PGC	26.20	6.94	0.03	535700
DXG	43.20	6.93	0.43	24.02MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DLG	7.05	-6.99	-0.04	11.06MLN
LCM	6.49	-6.89	0.00	600100
TTB	10.15	-6.88	-0.01	1.92MLN
VFG	62.40	-6.87	-0.04	100
C47	21.15	-6.83	-0.01	1.03MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	35.0	1,006	34.8	1.9	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	38.0	1,968	19.3	1.8	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	28.5	-909	#N/A N/A	2.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	64.8	362	179.0	5.6	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	97.1	310	312.7	0.9	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	76.8	7,200	10.7	1.9	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	34.5	3,313	10.4	2.4	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	161.9	13,121	12.3	4.6	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	66.7	5,715	11.7	3.1	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	31.0	2,450	12.7	2.1	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	43.2	1,941	22.3	2.9	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	23.1	949	24.3	1.4	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	16.2	1,454	11.1	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	92.0	4,354	21.1	4.7	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	119.0	4,381	27.2	4.5	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	119.0	4,381	27.2	4.5	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	34.9	3,134	11.1	2.4	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.0	7,708	6.0	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	35.6	8,581	4.1	1.6	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	29.3	157	186.9	2.7	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.8	1,520	11.7	0.8	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.8	1,520	11.7	0.8	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	14.9	689	21.6	1.1	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	52.8	1,833	28.8	3.3	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	53.7	5,898	9.1	1.8	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	79.3	8,820	9.0	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	136.8	6,936	19.7	4.8	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	40.3	10,793	3.7	1.5	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	52.4	3,055	17.1	2.2	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.6	1,778	12.7	1.5	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	37.9	2,997	12.6	1.9	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	109.0	4,543	24.0	4.1	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	109.0	4,543	24.0	4.1	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	17.8	759	23.4	1.4	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	49.7	3,543	14.0	1.5	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	34.8	1,260	27.6	1.4	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.7	1,064	33.6	3.7	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	37.9	14,369	2.6	1.0	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	82.3	3,013	27.3	5.6	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	23.5	2,375	9.9	3.3	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	26.3	570	46.1	2.1	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	77.2	6,052	12.8	2.4	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	78.6	4,518	17.4	5.0	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	34.0	578	58.8	2.5	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	41.3	3499.1	11.8	1.7	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.3	1,646	17.2	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
3	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
6	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
8	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
9	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
11	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
12	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
13	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
15	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
18	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
21	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
24	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
25	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
26	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
28	Banking Sector Outlook		x	Click
29	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
31	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
32	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
33	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
34	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
35	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
36	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
37	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
38	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
39	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
40	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
41	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
42	Fishery Outlook 2021		x	Click
43	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
44	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639